

CHÍNH PHỦ
Số: 60/2003/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước về lập dự toán, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước đối với một số lĩnh vực quốc phòng, an ninh; cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 2. Thu ngân sách nhà nước gồm:

- Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật.
- Phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí.
- Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước theo quy định của pháp luật, gồm:
 - Tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế,
 - Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi);
 - Thu nhập từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế, kể cả thu từ lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ về thuế của các tổ chức kinh tế có sự tham gia góp vốn của Nhà nước theo

quy định của Chính phủ.

4. Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các hoạt động sự nghiệp.
5. Tiền sử dụng đất; thu từ hoa lợi công sản và đất công ích.
6. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước.
7. Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
8. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.
9. Thu từ huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.
10. Phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật từ tiền bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu nhà nước.
11. Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam, các tổ chức nhà nước thuộc địa phương theo quy định tại Điều 50 của Nghị định này.
12. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 58 của Nghị định này.
13. Thu kết dư ngân sách theo quy định tại Điều 69 của Nghị định này.
14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, gồm:
 - a) Các khoản di sản nhà nước được hưởng;
 - b) Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản phạt, tịch thu;
 - c) Thu hồi dự trữ nhà nước;
 - d) Thu chênh lệch giá, phụ thu;
 - đ) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;
 - e) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước chuyển sang;
 - g) Các khoản thu khác.

Điều 3. Chi ngân sách nhà nước gồm:

1. Chi đầu tư phát triển về:
 - a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn;
 - b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham

gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chi bổ sung dự trữ nhà nước;

d) Chi đầu tư phát triển thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhà nước;

đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên về:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, các sự nghiệp xã hội khác;

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế,

c) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội;

d) Hoạt động của các cơ quan nhà nước;

đ) Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hợp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam;

g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Phần chi thường xuyên thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án Nhà nước;

i) Hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội;

k) Trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội;

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay.

4. Chi viện trợ của ngân sách trung ương cho các Chính phủ và tổ chức ngoài nước.

5. Chi cho vay của ngân sách trung ương.

6. Chi trả gốc và lãi các khoản huy động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước.

7. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 58 của Nghị định này.

8. Chi bổ sung ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

9. Chi chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

Điều 4.

1. Bội chi ngân sách nhà nước là bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch thiếu giữa tổng số chi ngân sách trung ương và tổng số thu ngân sách trung ương của năm ngân sách: Ngân sách địa phương được cân đối với tổng số chi không vượt quá tổng số thu theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn bù đắp bội chi ngân sách nhà nước gồm:

- a) Các khoản vay trong nước từ phát hành trái phiếu Chính phủ và từ các nguồn tài chính khác;
- b) Các khoản Chính phủ vay ngoài nước được đưa vào cân đối ngân sách.

Điều 5.

1. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, theo quy định hiện hành, bao gồm:

- a) Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh), bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- b) Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách huyện), bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã, phường, thị trấn;
- c) Ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã).

2. Quan hệ giữa ngân sách các cấp thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng và phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu của ngân sách cấp dưới;
- b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, được ổn định từ 3 đến 5 năm (gọi chung là thời kỳ ổn định ngân sách). Chính phủ trình Quốc hội quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa các cấp ở địa phương;

c) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; trường hợp cần ban hành chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách sau khi dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp;

d) Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu ngân sách hàng năm (phần ngân sách địa phương được hưởng) để chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn; sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, phải tăng khả năng tự cân đối, phát triển ngân sách địa phương, thực hiện giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên đối với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên) hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết số thu nộp về ngân sách cấp trên (đối với những địa phương có điều tiết về ngân sách cấp trên);

đ) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó;

e) Ngoài việc bổ sung nguồn thu và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều này, không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác, trừ các trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều này;

g) Ủy ban nhân dân các cấp được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ cho các đơn vị do cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong các trường hợp:

Khi xảy ra thiên tai và các trường hợp cấp thiết khác mà địa phương cần khẩn trương huy động lực lượng để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội;

Các đơn vị do cấp trên quản lý khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.

Điều 6. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc:

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn;

2. Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể:

a) Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia như: các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tác